TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-9-2022
Về việc ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Để.

2. Bà Phạm Thanh Tuyền.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến tại các điểm cầu: Điểm cầu Trung tâm tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (địa chỉ: khu phố 2, thị trấn Thứ Mười Một, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang) và điểm cầu thành phần tại Khu phố 4, đường T, thị trấn Đ, thành phố Q, tỉnh Kiên Giang; vụ án thụ lý số 92/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 về việc *"Ly hôn và nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 152/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị L, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Kiên Giang. Có mặt tại điểm cầu thành phần.

- *Bị đơn:* Anh U, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:* Anh chị cưới nhau năm 2010, đến ngày 24/8/2015 đăng ký kết hôn. Thời gian gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau và ly thân từ năm 2021 đến nay. Hiện nay mỗi người sống một nơi, không ai ràng buộc ai. Do đó, chị L yêu cầu được ly hôn với anh U. Chị L trình bày có 01 người con chung là H, sinh ngày 25/6/2011, hiện tại chị L đang nuôi. Chị L yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Chị L trình bày không tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh U vắng mặt trong suốt thời gian Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.*

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L và giao con cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Không ai yêu cầu vấn đề gì khác nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị L yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị L yêu cầu được ly hôn với anh U và giải quyết quyền nuôi con, không yêu cầu giải quyết vấn đề gì khác nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Ly hôn và nuôi con"*.

Anh U đã được triệu tập hợp lệ để hòa giải hai lần nhưng vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh U cũng được triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh U.

Chị L có đủ điều kiện tham gia phiên tòa bằng hình thức trực tuyến nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử trực tuyến.

[2] Năm 2015 anh U và chị L đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị xảy ra

mâu thuẫn nên sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Chị L xác định tình cảm không còn, không thể quay lại sống chung được nữa nên yêu cầu ly hôn. Anh U không về tham gia hòa giải và xét xử nên không thể hiện được ý kiến của anh U về hôn nhân và nuôi con chung.

[3] Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn thời gian dài, hiện nay mỗi người sống một nơi, anh U không về tham gia hòa giải nên Tòa án không động viên anh chị hàn gắn được. Anh chị là vợ chồng nhưng không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau là vi phạm Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất cho chị L được ly hôn với anh U.

Anh chị hiện tại có 01 người con chung là H, sinh ngày 25/6/2011, từ nhỏ cháu H sống chung với chị L, được nuôi dạy tốt, chị L có đủ điều kiện nuôi con. Cháu H cũng có nguyện vọng sống chung với chị L; anh U không có ý kiến nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu H cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh U có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Chị L khai không tài sản và nợ chung, không yêu cầu vấn đề gì khác, anh U không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền yêu cầu trong vụ án khác.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 207, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh U. Chị L được ly hôn với anh U.

2- Về con chung: Giao H, sinh ngày 25/6/2011 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Trường hợp người trực tiếp nuôi con vi phạm nghĩa vụ hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

3- Về án phí sơ thẩm: Chị L chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005396 ngày 27/5//2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

4- Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận